

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH-TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Lệ
2. Bà Nguyễn Thị Yến Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1967 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố HT, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn H sống với nhau trước năm 1987, bà Lê Thị M và ông Nguyễn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và vào năm 2022, bà M và ông H đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CL, huyện BB.

Thời gian đầu cả hai sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng hơn 02 năm gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, bà Lê Thị M và ông Nguyễn H đã

sống ly thân. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn H.

2. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Tịnh H1, sinh ngày 06/04/1987, Nguyễn Thị Ái L, sinh ngày 10/06/1994. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình nhiều lần triệu tập ông Nguyễn H đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn H không đến làm việc nên không tiến hành lấy lời khai cũng như hoà giải được; đồng thời, ông H cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến đối với vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn vắng mặt không có lý do vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 19; Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị M được ly hôn ông Nguyễn H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đối với bị đơn; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nên đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn H chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên hôn nhân của cả hai là hôn nhân thực tế, đến năm 2022 thì cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị M và ông Nguyễn H là hôn nhân hợp pháp, vì vậy, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế, bà Lê Thị M và ông Nguyễn H xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay, bà Lê Thị M và ông Nguyễn H đã sống ly thân. Bà Lê Thị M và ông Nguyễn H đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, ai muốn sống ra sao thì sống. Bà Lê Thị M và ông Nguyễn H đã không còn tình nghĩa vợ chồng. Do tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tịnh H, sinh ngày 06/04/1987 và Nguyễn Thị Ái L, sinh ngày 10/06/1994. Các con đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị M ly hôn với ông Nguyễn H

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002783 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Bà Lê Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15-9-2023). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- UBND thị trấn CL
- (CNKH số 93, ngày 02/8/2022)
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tuấn